

BÀI MỞ ĐẦU

I. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Môn học Tổ chức và quản lý sản xuất nghiên cứu cơ chế tổ chức và quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, nghiên cứu hoạt động thương mại của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh kể cả việc tổ chức mua bán các sản phẩm đầu vào của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và việc tiêu thụ thành phẩm mà các doanh nghiệp này chế tạo ra.

- Môn học này nghiên cứu lý luận và thực tiễn về sản xuất kinh doanh. Để có thể hiểu rõ các quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ các quá trình nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, từ chiến lược kinh doanh đến các nghiệp vụ kinh doanh, các yếu tố của quá trình kinh doanh và quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối tượng nghiên cứu của môn học là:

+ Nghiên cứu những đặc điểm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam đang áp dụng.

+ Nghiên cứu môi trường kinh doanh, nghiên cứu thị trường và khách hàng. Nghiên cứu các quy định của pháp luật, các chính sách của Đảng và nhà nước thể hiện trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong mỗi thời kỳ.

+ Nghiên cứu cách thức đánh giá và quản lý chất lượng sản phẩm, tiền lương, thời gian lao động, thù lao lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Phạm vi nghiên cứu của môn học là toàn bộ các vấn đề cơ bản có hệ thống đặt ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp. Tuy nhiên ta chỉ nghiên cứu xem xét những vấn đề lớn, có tầm quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Những vấn đề khác, tuy rất quan trọng và cũng không thể thiếu được nhưng đã có các môn học khác trình bày. Môn học này sẽ không đề cập để tránh trùng lặp.

II. Phương pháp nghiên cứu môn học

Môn học Tổ chức và quản lý sản xuất là môn học lý thuyết cơ sở trong các nghề cơ khí, nghĩa là chỉ nghiên cứu các vấn đề chung về tổ chức và quản lý của doanh nghiệp không phân biệt riêng theo nghề cơ khí.

Phương pháp nghiên cứu của môn học này là:

1. Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Khi nghiên cứu môn học này phải dựa trên phương pháp luận duy vật và nhìn nhận thực tế bằng phương pháp biện chứng, tránh duy tâm; nghiên cứu phải đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể, có quá trình phát sinh, tồn tại, phát triển và trong mối quan hệ tương tác lẫn nhau, chi phối lẫn nhau.

2. Phương pháp học lý luận kết hợp với nghiên cứu thực tế

Học lý luận gắn liền với thực hành. Lý luận mang tính hệ thống, khái quát và logic. Khi học môn học này cần phải liên hệ thực tế thông qua các tài liệu, sách báo, ... viết về sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; các chính sách của nhà nước trong thực tế kinh doanh. Liên hệ thực tế bằng cách tham quan (kiến tập) hoặc nghe báo cáo thực tế, đặc biệt có thể nghiên cứu, tìm hiểu thực tế trong đợt thực tập tốt nghiệp. Thực tế phong phú, đa dạng, phức tạp và có tính cụ thể (thời gian, địa điểm) cũng như điều kiện vật chất. Vì vậy cần phân tích thực tế để nhận thấy sự sâu sắc, khái quát của lý luận và củng cố lý luận đã được trang bị.

III. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. "Công trình thủy lợi": là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, bao gồm: hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh, đê kè và bờ bao các loại.

2. "Hệ thống công trình thủy lợi" là tập hợp các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau trong quản lý, vận hành và bảo vệ trong một lưu vực hoặc một khu vực nhất định.

3. "Hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên .

4. "Hệ thống công trình thủy lợi liên huyện" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

5. "Hệ thống công trình thủy lợi liên xã" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 xã hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

6. "Cống đầu kênh" theo quy định của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP" là

công trình dẫn nước hoặc tiêu nước cho một diện tích hưởng lợi nhất định thuộc trách nhiệm quản lý của người hưởng lợi. Chi phí quản lý, vận hành, tu sửa và bảo vệ các công trình từ cống đầu kênh đến mặt ruộng do người hưởng lợi đóng góp (gọi tắt là phí dịch vụ thủy nông nội đồng).

7. “Tổ chức hợp tác dùng nước” là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh.

Tailieu.vn

Chương I

TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRONG CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

- Tổ chức sản xuất là việc phân chia quá trình sản xuất phức tạp thành các quá trình thành phần (các bước công việc), trên cơ sở đó áp dụng những hình thức công nghệ, các biện pháp tổ chức phân công lao động và các phương tiện, công cụ lao động thích hợp, đồng thời tìm biện pháp phối hợp một cách hài hoà giữa các bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất theo không gian và thời gian về quá trình sản xuất đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất

- Quản lý là quá trình làm việc cùng với nhau và thông qua những người khác để đạt được các mục tiêu của tổ chức trong một môi trường biến động. Trọng tâm của quá trình này là tính hiệu lực và sử dụng hiệu quả các nguồn lực có giới hạn.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

Khái niệm doanh nghiệp: doanh nghiệp là một đơn vị kinh doanh được tổ chức một cách có kế hoạch để sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm hoặc dịch vụ cho nền kinh tế quốc dân.

- Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng của nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP). Những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp đã có bước phát triển đột biến, góp phần giải phóng và phát triển sức sản xuất, huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần quyết định vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo...

- Doanh nghiệp là yếu tố quan trọng, quyết định đến chuyển dịch các cơ cấu lớn của nền kinh tế quốc dân như: Cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu kinh tế giữa các vùng, địa phương.

- Doanh nghiệp phát triển tăng nhanh là nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ vững ổn định và tạo thế mạnh hơn về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập.

- Có thể nói vai trò của doanh nghiệp không chỉ quyết định sự phát triển bền vững về mặt kinh tế mà còn quyết định đến sự ổn định và lãnh

mạnh hoá các vấn đề xã hội, thực tế đó đã được phản ánh qua kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp dù hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau đều có điểm giống nhau:

+ Có phương tiện sản xuất, nguồn nhân lực, tài chính, kỹ thuật, bí quyết;

+ Mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, thiết bị máy móc của người cung ứng;

+ Sản xuất ra của cải hoặc dịch vụ để bán cho khách hàng, hoặc cung cấp cho xã hội.

- Doanh nghiệp phải kết hợp các yếu tố của quá trình sản xuất để sản xuất ra sản phẩm hoặc dịch vụ. Doanh nghiệp cần phải xác định giá bán sản phẩm, dịch vụ cho phép bù đắp các chi phí sản xuất kinh doanh đã bỏ ra. Do đó cần phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của hệ thống tổ chức quản lý sản xuất.

III. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN, NHIỆM VỤ QUYỀN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm

- Có 3 quan điểm khác nhau về doanh nghiệp Nhà nước:

+ Quan điểm thứ nhất: cho rằng doanh nghiệp Nhà nước là tất cả các tổ chức do Chính phủ lập ra với nhiệm vụ cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho xã hội. Theo quan điểm này, mọi tổ chức thực hiện các dịch vụ y tế, giáo dục, cứu trợ... đều được gọi là các doanh nghiệp Nhà nước.

- Quan điểm thứ hai: cho rằng, doanh nghiệp Nhà nước là các tổ chức do Chính phủ lập ra và quản lý, nhằm mục đích mang lại lợi nhuận và một khi được thiết lập, nó hầu như được tự do hoạt động như các doanh nghiệp tư nhân.

- Quan điểm thứ ba: cho rằng 1 doanh nghiệp được xác định là doanh nghiệp Nhà nước, khi nó đáp ứng được các điều kiện sau:

+ Chính phủ là cổ đông chính trong doanh nghiệp, hoặc nếu không thì Chính phủ có thể thực hiện việc kiểm soát những chính sách chung mà doanh nghiệp theo đuổi, bổ nhiệm hoặc cách chức ban quản lý doanh nghiệp.

+ Nhiệm vụ của doanh nghiệp là sản xuất hàng hoá và dịch vụ để tiêu thụ trên thị trường.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện chế độ hoạch toán kinh tế, lấy thu bù chi và phân đầu có lãi.

- Nếu 1 doanh nghiệp, thiếu điều kiện thứ nhất, được coi là doanh nghiệp tư nhân. Nếu thiếu điều kiện thứ 2 và thứ 3 thì được coi là một chức năng thông thường của Nhà nước. Ở một số nước, doanh nghiệp Nhà nước (hay doanh nghiệp công cộng) được coi là doanh nghiệp quốc doanh trong đó có nước ta.

- Trong các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp quốc doanh và doanh nghiệp tư nhân, người ta còn phân biệt thành nhiều loại khác nhau, căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, hình thức tạo vốn và công nghệ hoạt động. Chẳng hạn, căn cứ vào hình thức tạo vốn, các doanh nghiệp được chia thành: doanh nghiệp (quốc doanh hoặc tư nhân) thuần túy, với 100% vốn là của nhà nước hoặc của tư nhân; doanh nghiệp liên doanh (do sự góp vốn liên doanh của một số công ty trong và ngoài nước với nhau); doanh nghiệp cổ phần (do việc hình thành vốn được thực hiện bằng cách phát hành và bán cổ phiếu).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các loại hình doanh nghiệp

2.1. Doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp công hữu, quốc doanh)

Đây là loại hình doanh nghiệp phổ biến ở nước ta hiện nay.

Đặc tính:

- Sở hữu tài sản của các doanh nghiệp này thuộc quyền sở hữu toàn dân, do nhà nước đại diện quản lý, nói cụ thể hơn nguồn vốn sản xuất của doanh nghiệp do ngân sách nhà nước cấp, phát từ khi bắt đầu hoạt động. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ bổ sung thêm nguồn vốn sản xuất kinh doanh bằng các quỹ được hình thành theo chế độ của nhà nước.

- Sử dụng tài sản của doanh nghiệp vào hoạt động do Giám đốc (người quản lý) do nhà nước chỉ định, bổ nhiệm.

- Hoạt động của các doanh nghiệp một mặt dựa vào nhu cầu của thị trường, mặt khác phải dựa vào các phương hướng, đường lối, chính sách của nhà nước, nó chịu sự chi phối trực tiếp của nhà nước trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Loại hình doanh nghiệp này tồn tại trong bất kỳ quốc gia nào và nó phổ biến trong các ngành trọng yếu của nền kinh tế như nhiên liệu, năng lượng, thông tin liên lạc, các ngành phục vụ phúc lợi công cộng ...

2.2. Doanh nghiệp tư nhân

Là đơn vị sản xuất kinh doanh do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách

nhệm toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Đặc tính:

- Tài sản trong doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của một cá nhân duy nhất. Tùy thuộc vào quy mô sản xuất kinh doanh, việc quản lý, điều hành đơn vị sẽ do người chủ sở hữu tài sản thực hiện hoặc họ có thể thuê mướn người điều hành.

- Người chủ doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm pháp lý vô hạn (Unlimited liability) về các khoản nợ của doanh nghiệp, tức là họ phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Điều này đã được nhà nước quy định trong luật doanh nghiệp tư nhân – theo luật doanh nghiệp.

- “Doanh nghiệp tư nhân là đơn vị kinh doanh có mức không thấp hơn vốn pháp định, do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp”.

- Người chủ có quyền trong việc sắp xếp, tổ chức, thuê mướn nhân công, trả lương, sa thải người lao động do đó cần phải có những luật định chặt chẽ để bảo vệ người lao động (Luật lao động). Ví dụ: quy định mức lương tối thiểu, lập các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi người lao động.

- Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, loại hình này được nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và khuyến khích phát triển mạnh mẽ trong các ngành nghề ngoại trừ một số ngành nghề quan trọng có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia cũng như tác động đến những cân đối kinh tế chủ yếu của đất nước.

2.3. Doanh nghiệp chung vốn

- Là đơn vị sản xuất kinh doanh có sự tham gia ít nhất từ 2 cá nhân trở lên. Tài sản chung vốn có thể hữu hình (vốn, nhà xưởng, máy móc thiết bị, lao động...), hoặc vô hình (uy tín, danh tiếng, bằng phát minh sáng chế ...) do đó cần xác định chính xác phần đóng góp của mỗi bên.

- Ở nước ta có công ty liên doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn

Khái niệm công ty: là loại hình doanh nghiệp mà các thành viên cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn vào công ty do đó các thành viên chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi vốn của mình góp vào công ty, như vậy trách nhiệm pháp lý hữu hạn trong phần vốn góp của mình.

- Mỗi công ty muốn có đầy đủ tư cách pháp nhân phải thoả mãn những

điều kiện tối thiểu như sau:

- + Phải có tài sản riêng và chịu trách nhiệm về tài sản của mình.
- + Phải có trụ sở và tên riêng (được đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền).
- + Phải có đầy đủ tư cách pháp lý để tham gia vào các quan hệ dân sự.
- + Phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động.

- Hiện nay chúng ta có hai hình thức công ty:

+ **Công ty trách nhiệm hữu hạn (L.t.d):** là loại công ty mà vốn góp của các thành viên phải đóng đầy đủ ngay khi thành lập công ty, việc chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên được tự do nhưng nếu chuyển nhượng cho người ngoài thì phải được sự nhất trí của nhóm thành viên đại diện cho số ít nhất $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ của công ty.

Vốn pháp định là số vốn tối thiểu mà luật pháp quy định để được thành lập doanh nghiệp.

Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên đóng góp và được ghi vào điều lệ của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn không được phép phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào.

+ **Công ty cổ phần:** là loại công ty mà số cổ đông tối thiểu là 3 (ba); số cổ phiếu của công ty có thể ghi tên hoặc không ghi tên và mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phiếu. Loại cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng, loại cổ phiếu có ghi tên chỉ được chuyển nhượng khi có sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình hoạt động, nếu cần thiết mở rộng quy mô (và chứng minh hiệu quả của việc mở rộng quy mô này) thì công ty cổ phần có quyền phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu. Việc phát hành các loại chứng khoán này phải thông qua thị trường chứng khoán.

+ **Công ty liên doanh:** trách nhiệm của các bên tham gia góp vốn là hữu hạn theo phần đóng góp vào liên doanh của mình. Loại hình liên doanh này tỏ ra thích hợp ở những nơi, những quốc gia có điều kiện thuận lợi về tài nguyên vật, lực nhưng bị hạn chế về vốn, về kỹ thuật sản xuất, do đó phải chung vốn với các đơn vị khác (trong và ngoài nước) để khai thác tiềm lực này.

4. Mô hình tổ chức của công ty khai thác công trình thủy lợi

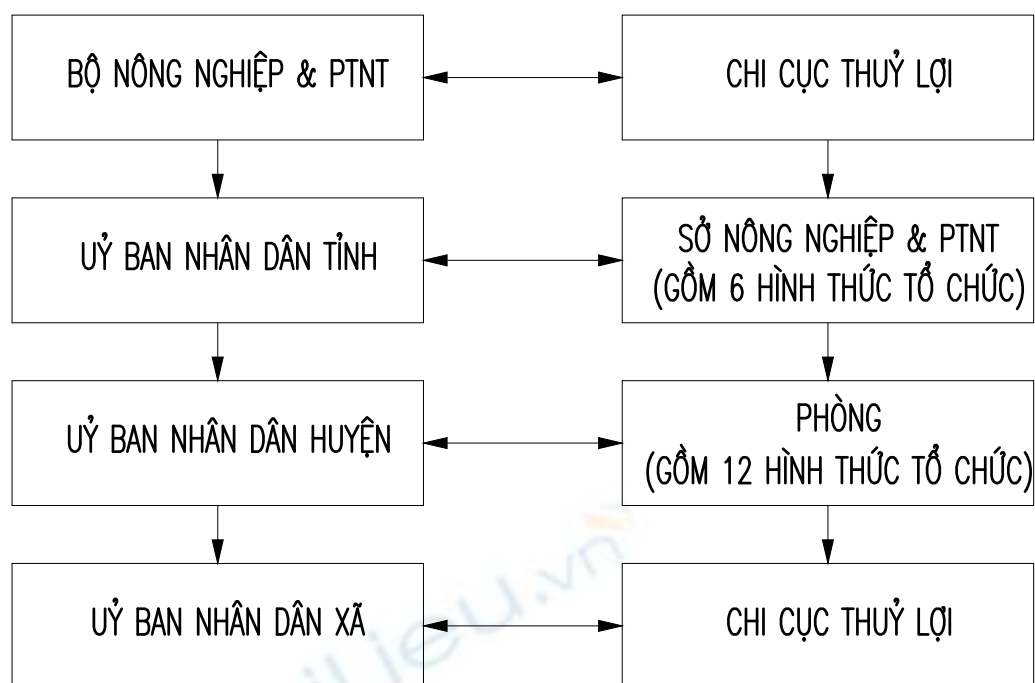
4.1. Tình hình và nguyên tắc tổ chức quản lý

4.1.1. Tình hình tổ chức quản lý

- Theo báo cáo của Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, hiện cả nước 100 hệ thống thủy lợi lớn và vừa với giá trị ước tính khoảng 125.000 tỷ đồng, bao gồm 1959 hồ chứa có dung tích trữ lớn hơn 0,2 triệu m³ (tổng dung tích trữ 24,8 tỷ m³, tổng năng lực thiết kế tưới đạt khoảng 505.000 ha); trên 1.000 km kênh trục lớn; hơn 5.000 cống tưới tiêu lớn và 23.000 km đê, bờ bao các loại. Tổng năng lực thiết kế tưới của các hệ thống bảo đảm cho khoảng 3,4 triệu ha đất canh tác, trong đó diện tích đất trồng lúa ước tưới hàng năm đạt 6,85 triệu ha (vụ Đông Xuân là 2,90 triệu ha, vụ Hè Thu là 0,9 triệu ha và vụ Mùa là 1,86 triệu) và diện tích rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày được tưới hiện đã đạt khoảng 1 triệu ha. Ngoài ra còn ngăn mặn cho 0,87 triệu ha, cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp khoảng trên 5 tỷ m³ / năm

- Theo Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 và các quy định hiện hành khác, bộ máy quản lý Nhà nước đối về thủy lợi từ Trung ương đến địa phương được tổ chức theo bộ máy hành chính nhà nước 4 cấp. Ở Trung ương, Bộ Nông nghiệp & PTNT được Chính phủ giao chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quản lý khai thác công trình thủy lợi trên phạm vi cả nước. Bộ Nông nghiệp & PTNT giao Cục Thủy lợi giúp Bộ thực hiện chức năng nhiệm vụ này. Ở cấp tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp & PTNT thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp & PTNT lại giao Chi Cục Thủy lợi hoặc một đơn vị trực thuộc khác giúp Sở trực tiếp thực hiện chức năng nhiệm vụ này. Ở cấp huyện, UBND huyện giao cho một Phòng chuyên môn làm chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn huyện và ở cấp xã, UBND xã giao cho cán bộ giao thông thủy lợi quản lý.

4.1.2. Nguyên tắc tổ chức quản lý



Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

Về quản lý và khai thác công trình thủy lợi

Bộ máy quản lý Nhà nước về quản lý khai thác công trình thủy lợi từ Trung ương đến địa phương đã không ngừng tăng cường, củng cố và phát triển qua các thời kỳ, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong chỉ đạo xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.v.v. Các hệ thống công trình vận hành an toàn, phòng chống và hạn chế các rủi ro do thiên tai lũ lụt và hạn hán, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, dân sinh kinh tế xã hội trước mọi diễn biến phức tạp của khí hậu thời tiết.

4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức quản lý

4.2.1.Chức năng

- Quản lý nước: Điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý trong hệ thống công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đời sống dân sinh, môi trường và các ngành kinh tế quốc dân khác.

- Quản lý công trình: Kiểm tra, theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố trong hệ thống công trình thủy lợi, đồng thời thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp công trình, máy móc, thiết bị; bảo vệ và vận hành công trình theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo công